

**THỜI KHÓA BIỂU CÁC LỚP K18**  
**(Từ ngày 18/05/2026 đến ngày 24/05/2026)**

| Tên lớp                        | Buổi  | Thứ 2                              |      | Thứ 3                            |      | Thứ 4                           |      | Thứ 5                 |            | Thứ 6                             |      | Thứ 7   |      | Chủ nhật |      |
|--------------------------------|-------|------------------------------------|------|----------------------------------|------|---------------------------------|------|-----------------------|------------|-----------------------------------|------|---------|------|----------|------|
|                                |       | Môn học                            | Tiết | Môn học                          | Tiết | Môn học                         | Tiết | Môn học               | Tiết       | Môn học                           | Tiết | Môn học | Tiết | Môn học  | Tiết |
| I. LỊCH HỌC CÁC LỚP CHUYÊN MÔN |       |                                    |      |                                  |      |                                 |      |                       |            |                                   |      |         |      |          |      |
| ATQ02-K18                      | Sáng  | Ngữ pháp<br>Tiếng TQ 2<br>(60/75)  | 2-5  | KN Viết<br>Tiếng TQ 2<br>(40/45) | 2-5  | KN Đọc<br>Tiếng TQ 2<br>(40/45) | 2-5  | Tin học<br>(50/75)    | 7h30-11h40 | Ngữ pháp<br>Tiếng TQ 2<br>(64/75) | 2-5  |         |      |          |      |
|                                |       | Cô Lan                             | 402B | Cô Lan                           | 402B | Cô Thảo                         | 402B |                       | 406A       | Cô Lan                            | 402B |         |      |          |      |
|                                | Chiều |                                    |      |                                  |      |                                 |      | Thi Kỹ năng<br>nghe 2 | 6-9        |                                   |      |         |      |          |      |
|                                |       |                                    |      |                                  |      |                                 |      |                       | 502B       |                                   |      |         |      |          |      |
| ATQ03-K18                      | Sáng  |                                    |      |                                  |      |                                 |      | Tin học<br>(50/75)    | 7h30-11h40 |                                   |      |         |      |          |      |
|                                |       |                                    |      |                                  |      |                                 |      |                       | 406A       |                                   |      |         |      |          |      |
|                                | Chiều | Ngữ pháp<br>Tiếng TQ 2<br>(60//75) | 6-9  | KN Viết<br>Tiếng TQ 2<br>(40/45) | 6-9  | KN Đọc<br>Tiếng TQ 2<br>(40/45) | 6-9  | Thi Kỹ năng<br>nghe 2 | 6-9        | Ngữ pháp<br>Tiếng TQ 2<br>(64/75) | 6-9  |         |      |          |      |
|                                |       | Cô Lan                             | 403B | Cô Lan                           | 403B | Cô Thảo                         | 403B |                       | 502B       | Cô Lan                            | 403B |         |      |          |      |
| ATQ04-K18                      | Sáng  |                                    |      |                                  |      |                                 |      | Tin học<br>(50/75)    | 7h30-11h40 |                                   |      |         |      |          |      |
|                                |       |                                    |      |                                  |      |                                 |      |                       | 406A       |                                   |      |         |      |          |      |
|                                | Chiều | Ngữ pháp<br>Tiếng TQ 2<br>(60//75) | 6-9  | KN Viết<br>Tiếng TQ 2<br>(40/45) | 6-9  | KN Đọc<br>Tiếng TQ 2<br>(40/45) | 6-9  | Thi Kỹ năng<br>nghe 2 | 6-9        | Ngữ pháp<br>Tiếng TQ 2<br>(64/75) | 6-9  |         |      |          |      |
|                                |       | Cô Lan                             | 403B | Cô Lan                           | 403B | Cô Thảo                         | 403B |                       | 502B       | Cô Lan                            | 403B |         |      |          |      |

| Tên lớp   | Buổi  | Thứ 2                       |      | Thứ 3                          |      | Thứ 4                           |      | Thứ 5                           |            | Thứ 6                           |      | Thứ 7                          |      | Chủ nhật |      |
|-----------|-------|-----------------------------|------|--------------------------------|------|---------------------------------|------|---------------------------------|------------|---------------------------------|------|--------------------------------|------|----------|------|
|           |       | Môn học                     | Tiết | Môn học                        | Tiết | Môn học                         | Tiết | Môn học                         | Tiết       | Môn học                         | Tiết | Môn học                        | Tiết | Môn học  | Tiết |
| ATH02-K18 | Sáng  | Ngữ pháp Tiếng HQ 3 (20/60) | 2-5  | KN Nghe - Nói tiếng HQ3 (8/90) | 2-5  | KN Nghe - Nói tiếng HQ3 (12/90) | 2-5  | Tin học (50/75)                 | 7h30-11h40 | Ngữ pháp Tiếng HQ 3 (24/60)     | 2-5  |                                |      |          |      |
|           |       | Cô Ngọc                     | 401B | Cô Hà                          | 503B | Cô Hà                           | 403A |                                 | 406A       | Cô Ngọc                         | 502B |                                |      |          |      |
|           | Chiều | KN Đọc Tiếng HQ 3 (16/60)   | 6-9  |                                |      | KN Viết Tiếng HQ 3 (12/60)      | 6-9  | KN Viết Tiếng HQ 3 (16/60)      | 6-9        |                                 |      |                                |      |          |      |
|           |       | Cô Ngọc                     | 403A |                                |      | Cô Ngọc                         | 403A | Cô Ngọc                         | 403B       |                                 |      |                                |      |          |      |
| YTQ05-K18 | Sáng  |                             |      | KN Nghe Tiếng TQ 2             | 1-3  | KN Nói Tiếng TQ 2               | 1-3  | Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2  | 1-3        | Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2 | 1-3  | Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2    | 1-5  |          |      |
|           |       |                             |      | Thanh Hoài                     | 301D | Như Quỳnh                       | 301D | Hồng Diễm                       | 301D       | Phương Huyền                    | 301D | Phương Huyền                   | 301D |          |      |
|           | Chiều | Tin Học                     | 6-10 |                                |      |                                 |      |                                 |            |                                 |      |                                |      |          |      |
|           |       | Thu Hiền                    | 202D |                                |      |                                 |      |                                 |            |                                 |      |                                |      |          |      |
| YTQ06-K18 | Sáng  |                             |      |                                |      |                                 |      |                                 |            |                                 |      |                                |      |          |      |
|           |       |                             |      |                                |      |                                 |      |                                 |            |                                 |      |                                |      |          |      |
|           | Chiều | Tin Học                     | 6-10 | Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2 | 6-8  | KN Nghe Tiếng Trung Quốc 2      | 6-8  | Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2 | 6-8        | Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2     | 6-10 | Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2 | 6-8  |          |      |
|           |       | Thu Hiền                    | 502A | Lê Nhung                       | 301D | Thanh Hoài                      | 301D | Thanh Xuân                      | 301D       | Thanh Xuân                      | 301D | Lê Nhung                       | 301D |          |      |

| Tên lớp   | Buổi  | Thứ 2                          |      | Thứ 3                       |      | Thứ 4                           |      | Thứ 5                           |      | Thứ 6                       |      | Thứ 7                          |      | Chủ nhật |      |
|-----------|-------|--------------------------------|------|-----------------------------|------|---------------------------------|------|---------------------------------|------|-----------------------------|------|--------------------------------|------|----------|------|
|           |       | Môn học                        | Tiết | Môn học                     | Tiết | Môn học                         | Tiết | Môn học                         | Tiết | Môn học                     | Tiết | Môn học                        | Tiết | Môn học  | Tiết |
| YTQ07-K18 | Sáng  | Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2 | 1-3  |                             |      | KN Nghe Tiếng Trung Quốc 2      | 1-3  | Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2 | 1-3  | Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2 | 1-5  | Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2 | 1-3  |          |      |
|           |       | Lê Nhung                       | 301D |                             |      | Thanh Hoài                      | 302D | Thanh Xuân                      | 302D | Thanh Xuân                  | 302D | Lê Nhung                       | 302D |          |      |
|           | Chiều | Tin Học                        | 6-10 |                             |      |                                 |      |                                 |      |                             |      |                                |      |          |      |
|           |       | Thu Hiền                       | 502A |                             |      |                                 |      |                                 |      |                             |      |                                |      |          |      |
| YTQ08-K18 | Sáng  |                                |      |                             |      |                                 |      | Kỹ Năng Nghe Tiếng Trung Quốc 2 | 1-3  |                             |      |                                |      |          |      |
|           |       |                                |      |                             |      |                                 |      | Thanh Hoài                      | 304D |                             |      |                                |      |          |      |
|           | Chiều | Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2 | 6-8  |                             |      | Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2     | 6-10 | Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2 | 6-8  | Tin Học                     | 6-10 | Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2 | 6-8  |          |      |
|           |       | Hồng Diễm                      | 301D |                             |      | Như Quỳnh                       | 302D | Như Quỳnh                       | 304D |                             | 202D | Hồng Diễm                      | 302D |          |      |
| YTQ09-K18 | Sáng  |                                |      | Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2 | 1-5  |                                 |      |                                 |      |                             |      |                                |      |          |      |
|           |       |                                |      | Lê Nhung                    | 302D |                                 |      |                                 |      |                             |      |                                |      |          |      |
|           | Chiều | KN Nói Tiếng Trung Quốc 2      | 6-8  |                             |      | Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2 | 6-8  | Kỹ Năng Nghe Tiếng Trung Quốc 2 | 6-8  | Tin Học                     | 6-10 | Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2 | 6-8  |          |      |
|           |       | Thanh Xuân                     | 304D |                             |      | Lê Nhung                        | 304D | Thanh Hoài                      | 302D |                             | 502A | Thanh Xuân                     | 304D |          |      |

| Tên lớp   | Buổi  | Thứ 2                       |      | Thứ 3                           |      | Thứ 4                          |      | Thứ 5                           |      | Thứ 6                          |      | Thứ 7                          |      | Chủ nhật |      |
|-----------|-------|-----------------------------|------|---------------------------------|------|--------------------------------|------|---------------------------------|------|--------------------------------|------|--------------------------------|------|----------|------|
|           |       | Môn học                     | Tiết | Môn học                         | Tiết | Môn học                        | Tiết | Môn học                         | Tiết | Môn học                        | Tiết | Môn học                        | Tiết | Môn học  | Tiết |
| YTQ10-K18 | Sáng  |                             |      |                                 |      | Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2 | 1-3  |                                 |      | Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2    | 1-5  | Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2 | 1-3  |          |      |
|           |       |                             |      |                                 |      | Thanh Xuân                     | 304D |                                 |      | Lê Nhung                       | 304D | Thanh Xuân                     | 304D |          |      |
|           | Chiều |                             |      | Kỹ Năng Nghe Tiếng Trung Quốc 2 | 6-8  |                                |      | Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2 | 6-8  |                                |      |                                |      |          |      |
|           |       |                             |      | Thanh Hoài                      | 302D |                                |      | Lê Nhung                        | 401D |                                |      |                                |      |          |      |
| YTQ11-K18 | Sáng  |                             |      | KN Viết Tiếng Trung Quốc 2      | 1-3  | KN Nghe Tiếng Trung Quốc 2     | 1-3  | Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2  | 1-3  | Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2    | 1-5  |                                |      |          |      |
|           |       |                             |      | Như Quỳnh                       | 304D | Minh Thuý                      | 401D | Phương Huyền                    | 401D | Như Quỳnh                      | 401D |                                |      |          |      |
|           | Chiều |                             |      |                                 |      |                                |      |                                 |      | Tin Học                        | 6-10 | Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2 | 6-8  |          |      |
|           |       |                             |      |                                 |      |                                |      |                                 |      | Kim Tuyền                      |      | Phương Huyền                   | 401D |          |      |
| YTQ12-K18 | Sáng  | Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2 | 1-5  |                                 |      |                                |      | Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2 | 1-3  |                                |      | KN Nghe Tiếng Trung Quốc 2     | 1-3  |          |      |
|           |       | Như Quỳnh                   | 302D |                                 |      |                                |      | Như Quỳnh                       | 402D |                                |      | Minh Thuý                      | 401D |          |      |
|           | Chiều |                             |      |                                 |      | Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2 | 6-8  | Tin Học                         | 6-10 | Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2 | 6-8  |                                |      |          |      |
|           |       |                             |      |                                 |      | Phương Huyền                   | 401D | Phương Thảo                     | 202D | Phương Huyền                   | 302D |                                |      |          |      |

| Tên lớp   | Buổi  | Thứ 2                           |      | Thứ 3                           |      | Thứ 4                          |      | Thứ 5                           |      | Thứ 6                           |      | Thứ 7                       |      | Chủ nhật |      |
|-----------|-------|---------------------------------|------|---------------------------------|------|--------------------------------|------|---------------------------------|------|---------------------------------|------|-----------------------------|------|----------|------|
|           |       | Môn học                         | Tiết | Môn học                         | Tiết | Môn học                        | Tiết | Môn học                         | Tiết | Môn học                         | Tiết | Môn học                     | Tiết | Môn học  | Tiết |
| YTQ13-K18 | Sáng  | Kỹ Năng Nghe Tiếng Trung Quốc 2 | 1-3  | Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2 | 1-3  |                                |      |                                 |      | Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2  | 1-3  | Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2 | 1-5  |          |      |
|           |       | Khánh Ly                        | 304D | Thanh Thảo                      | 401D |                                |      |                                 |      | Khánh Ly                        | 402D | Thanh Thảo                  | 402D |          |      |
|           | Chiều |                                 |      | Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2  | 6-8  |                                |      | Tin Học                         | 6-10 |                                 |      |                             |      |          |      |
|           |       |                                 |      | Thanh Xuân                      | 304D |                                |      | Phương Thảo                     | 502A |                                 |      |                             |      |          |      |
| YTQ14-K18 | Sáng  | Tin Học                         | 1-5  |                                 |      | Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2 | 1-3  | Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2     | 1-5  |                                 |      |                             |      |          |      |
|           |       | P.Thảo                          | 202D |                                 |      | Hồng Diễm                      | 402D | Thanh Thảo                      | 404D |                                 |      |                             |      |          |      |
|           | Chiều | KN Viết Tiếng Trung Quốc 2      | 6-8  | Kỹ Năng Nghe Tiếng Trung Quốc 2 | 6-8  |                                |      |                                 |      | Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2  | 6-8  |                             |      |          |      |
|           |       | Thanh Thảo                      | 302D | Khánh Ly                        | 401D |                                |      |                                 |      | Khánh Ly                        | 304D |                             |      |          |      |
| YTQ15-K18 | Sáng  | Tin Học                         | 1-5  | Kỹ Năng Nghe Tiếng Trung Quốc 2 | 1-3  | Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2    | 1-5  | 'Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2 | 1-3  | Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2 | 1-3  |                             |      |          |      |
|           |       | P.Thảo                          | 502A | Khánh Ly                        | 402D | Thanh Thảo                     | 404D | Khánh Ly                        | 204D | Thanh Thảo                      | 404D |                             |      |          |      |
|           | Chiều |                                 |      | Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2  | 6-8  |                                |      |                                 |      |                                 |      |                             |      |          |      |
|           |       |                                 |      | Hồng Diễm                       | 402D |                                |      |                                 |      |                                 |      |                             |      |          |      |

| Tên lớp   | Buổi  | Thứ 2       |      | Thứ 3                       |      | Thứ 4                           |      | Thứ 5                          |      | Thứ 6       |      | Thứ 7                          |      | Chủ nhật |      |
|-----------|-------|-------------|------|-----------------------------|------|---------------------------------|------|--------------------------------|------|-------------|------|--------------------------------|------|----------|------|
|           |       | Môn học     | Tiết | Môn học                     | Tiết | Môn học                         | Tiết | Môn học                        | Tiết | Môn học     | Tiết | Môn học                        | Tiết | Môn học  | Tiết |
| YTQ16-K18 | Sáng  |             |      | Tin Học                     | 1-5  | Kỹ Năng Nghe Tiếng Trung Quốc 2 | 1-3  |                                |      |             |      |                                |      |          |      |
|           |       |             |      | Kim Tuyền                   | 502A | Khánh Ly                        | 203D |                                |      |             |      |                                |      |          |      |
|           | Chiều |             |      | Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2 | 6-10 | Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2 | 6-8  | Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2 | 6-8  |             |      | Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2 | 6-8  |          |      |
|           |       |             |      | Thanh Thảo                  | 404D | Thanh Thảo                      | 402D | Hồng Diễm                      | 402D |             |      | Khánh ly                       | 402D |          |      |
| ĐCN02-K18 | Sáng  |             |      |                             |      |                                 |      |                                |      |             |      |                                |      |          |      |
|           |       |             |      |                             |      |                                 |      |                                |      |             |      |                                |      |          |      |
|           | Chiều | Thực tập NN |      | Thực tập NN                 |      | Thực tập NN                     |      | Thực tập NN                    |      | Thực tập NN |      | Thực tập NN                    |      |          |      |
|           |       |             |      |                             |      |                                 |      |                                |      |             |      |                                |      |          |      |
| AĐT02-K18 | Sáng  | Thực tập NN |      | Thực tập NN                 |      | Thực tập NN                     |      | Thực tập NN                    |      | Thực tập NN |      | Thực tập NN                    |      |          |      |
|           |       |             |      |                             |      |                                 |      |                                |      |             |      |                                |      |          |      |
|           | Chiều |             |      |                             |      |                                 |      |                                |      |             |      |                                |      |          |      |
|           |       |             |      |                             |      |                                 |      |                                |      |             |      |                                |      |          |      |

| Tên lớp    | Buổi  | Thứ 2       |      | Thứ 3       |      | Thứ 4       |      | Thứ 5       |      | Thứ 6       |      | Thứ 7       |      | Chủ nhật |      |
|------------|-------|-------------|------|-------------|------|-------------|------|-------------|------|-------------|------|-------------|------|----------|------|
|            |       | Môn học     | Tiết | Môn học     | Tiết | Môn học     | Tiết | Môn học     | Tiết | Môn học     | Tiết | Môn học     | Tiết | Môn học  | Tiết |
| ADCN02-K18 | Sáng  | Thực tập NN |      | Thực tập NN |      | Thực tập NN |      | Thực tập NN |      | Thực tập NN |      | Thực tập NN |      |          |      |
|            |       |             |      |             |      |             |      |             |      |             |      |             |      |          |      |
|            | Chiều |             |      |             |      |             |      |             |      |             |      |             |      |          |      |
|            |       |             |      |             |      |             |      |             |      |             |      |             |      |          |      |
| ATĐ02-K18  | Sáng  | Thực tập NN |      | Thực tập NN |      | Thực tập NN |      | Thực tập NN |      | Thực tập NN |      | Thực tập NN |      |          |      |
|            |       |             |      |             |      |             |      |             |      |             |      |             |      |          |      |
|            | Chiều |             |      |             |      |             |      |             |      |             |      |             |      |          |      |
|            |       |             |      |             |      |             |      |             |      |             |      |             |      |          |      |
| ADL02-K18  | Sáng  | Thực tập NN |      | Thực tập NN |      | Thực tập NN |      | Thực tập NN |      | Thực tập NN |      | Thực tập NN |      |          |      |
|            |       |             |      |             |      |             |      |             |      |             |      |             |      |          |      |
|            | Chiều |             |      |             |      |             |      |             |      |             |      |             |      |          |      |
|            |       |             |      |             |      |             |      |             |      |             |      |             |      |          |      |

| Tên lớp   | Buổi  | Thứ 2                              |      | Thứ 3                           |          | Thứ 4                              |          | Thứ 5           |      | Thứ 6           |      | Thứ 7   |      | Chủ nhật |      |
|-----------|-------|------------------------------------|------|---------------------------------|----------|------------------------------------|----------|-----------------|------|-----------------|------|---------|------|----------|------|
|           |       | Môn học                            | Tiết | Môn học                         | Tiết     | Môn học                            | Tiết     | Môn học         | Tiết | Môn học         | Tiết | Môn học | Tiết | Môn học  | Tiết |
| ACB02-K18 | Sáng  |                                    |      | Kỹ thuật Chế biến món Á 120/135 | 1-5      |                                    |          |                 |      |                 |      |         |      |          |      |
|           |       |                                    |      | C. Trang                        | PTH - T6 |                                    |          |                 |      |                 |      |         |      |          |      |
|           | Chiều | Thi thương phẩm ATTP và TC sự kiện | 14h  | Kỹ thuật Chế biến món Á 125/135 | 6-10     | Kỹ thuật Chế biến món Á 130/135    | 6-10     | Tin học (60/75) | 6-10 | Tin học (65/75) | 6-10 |         |      |          |      |
|           |       |                                    | 501B | C. Trang                        | PTH - T6 | C. Trang                           | PTH - T6 | Khoa Tin        | 407A | Khoa Tin        | 405A |         |      |          |      |
| ACB03-K18 | Sáng  |                                    |      | Kỹ thuật Chế biến món Á 120/135 | 1-5      |                                    |          |                 |      |                 |      |         |      |          |      |
|           |       |                                    |      | C. Trang                        | PTH - T6 |                                    |          |                 |      |                 |      |         |      |          |      |
|           | Chiều | Thi thương phẩm ATTP và TC sự kiện | 14h  | Kỹ thuật Chế biến món Á 125/135 | 6-10     | Kỹ thuật Chế biến món Á 130/135    | 6-10     | Tin học (60/75) | 6-10 | Tin học (65/75) | 6-10 |         |      |          |      |
|           |       |                                    | 501B | C. Trang                        | PTH - T6 | C. Trang                           | PTH - T6 | Khoa Tin        | 407A | Khoa Tin        | 405A |         |      |          |      |
| AKS02-K18 | Sáng  |                                    |      |                                 |          | Triển khai sắp xếp đơn vị thực tập | 8h30     |                 |      |                 |      |         |      |          |      |
|           |       |                                    |      |                                 |          | Viện DL                            | 503B     |                 |      |                 |      |         |      |          |      |
|           | Chiều |                                    |      | Thi TH Nghiệp vụ nhà hàng 85/90 | 13h      |                                    |          | Tin học (60/75) | 6-10 | Tin học (65/75) | 6-10 |         |      |          |      |
|           |       |                                    |      | C. Tuyết Anh                    | PTH - T6 |                                    |          | Khoa Tin        | 407A | Khoa Tin        | 405A |         |      |          |      |

| Tên lớp        | Buổi  | Thứ 2                              |           | Thứ 3                                            |           | Thứ 4                                    |           | Thứ 5                                            |           | Thứ 6           |      | Thứ 7                                    |           | Chủ nhật |      |
|----------------|-------|------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------|-----------|------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------|-----------|-----------------|------|------------------------------------------|-----------|----------|------|
|                |       | Môn học                            | Tiết      | Môn học                                          | Tiết      | Môn học                                  | Tiết      | Môn học                                          | Tiết      | Môn học         | Tiết | Môn học                                  | Tiết      | Môn học  | Tiết |
| AHD02-K18      | Sáng  |                                    |           |                                                  |           |                                          |           |                                                  |           |                 |      |                                          |           |          |      |
|                |       |                                    |           |                                                  |           |                                          |           |                                                  |           |                 |      |                                          |           |          |      |
|                | Chiều | TH nghiệp vụ hướng dẫn 75/90       | 6-10      | Lịch sử văn minh thế giới 30/30                  | 14h00     | Lịch sử Việt Nam 30/30                   | 6-10      | Tin học (60/75)                                  | 6-10      | Tin học (65/75) | 6-10 |                                          |           |          |      |
|                |       | C. Giang                           | 503B      | C. Huyền                                         | 503B      | T. Phương                                | 503B      | Khoa Tin                                         | 407A      | Khoa Tin        | 405A |                                          |           |          |      |
| CB02-K18TC     | Sáng  | Học văn hóa                        |           | Học văn hóa                                      |           | Học văn hóa                              |           | Học văn hóa                                      |           | Học văn hóa     |      |                                          |           |          |      |
|                |       |                                    |           |                                                  |           |                                          |           |                                                  |           |                 |      |                                          |           |          |      |
|                | Chiều |                                    |           | Tin học                                          | 13h30     |                                          |           |                                                  |           |                 |      |                                          |           |          |      |
|                |       |                                    |           |                                                  | 202D      |                                          |           |                                                  |           |                 |      |                                          |           |          |      |
| OT02,03,04-K18 | Sáng  |                                    |           |                                                  |           |                                          |           |                                                  |           |                 |      |                                          |           |          |      |
|                |       |                                    |           |                                                  |           |                                          |           |                                                  |           |                 |      |                                          |           |          |      |
|                | Chiều | BD&SC HT điện động cơ ô tô (10/90) | Tiết 6-10 | BD&SC HT truyền lực và HT di chuyển ô tô (10/90) | Tiết 6-10 | BD&SC HT phun xăng điện tử (EFI) (45/75) | Tiết 6-10 | BD&SC HT truyền lực và HT di chuyển ô tô (15/90) | Tiết 6-10 |                 |      | BD&SC HT phun xăng điện tử (EFI) (50/75) | Tiết 6-10 |          |      |
|                |       | Thầy Chát                          | PTH 01    | Thầy Dũng                                        | PTH 01    | Thầy Tuyên                               | PTH 01    | Thầy Dũng                                        | PTH 01    |                 |      | Thầy Tuyên                               | PTH 01    |          |      |

| Tên lớp      | Buổi  | Thứ 2                                          |          | Thứ 3                             |          | Thứ 4                                    |           | Thứ 5                                |           | Thứ 6                                          |          | Thứ 7                              |          | Chủ nhật |      |
|--------------|-------|------------------------------------------------|----------|-----------------------------------|----------|------------------------------------------|-----------|--------------------------------------|-----------|------------------------------------------------|----------|------------------------------------|----------|----------|------|
|              |       | Môn học                                        | Tiết     | Môn học                           | Tiết     | Môn học                                  | Tiết      | Môn học                              | Tiết      | Môn học                                        | Tiết     | Môn học                            | Tiết     | Môn học  | Tiết |
| AOT02,03-K18 | Sáng  | BD&SC kết cấu cơ khí động cơ đốt trong (80/90) | Tiết 1-5 | Tin học (50/60)                   | Tiết 1-5 | Thực hành Nguội - Hàn cơ bản (5/60)      | Tiết 1-5  | Thực hành Nguội - Hàn cơ bản (10/60) | Tiết 1-5  | BD&SC kết cấu cơ khí động cơ đốt trong (85/90) | Tiết 1-5 |                                    |          |          |      |
|              |       | Thầy Chắt                                      | PTH 01   | Cô Thủy                           | 405A     | Thầy Thắng                               | PTH nguội | Thầy Thắng                           | PTH nguội | Thầy Chắt                                      | PTH 01   |                                    |          |          |      |
|              | Chiều |                                                |          |                                   |          |                                          |           |                                      |           |                                                |          |                                    |          |          |      |
|              |       |                                                |          |                                   |          |                                          |           |                                      |           |                                                |          |                                    |          |          |      |
| AOT04,05-K18 | Sáng  | BD&SC kết cấu cơ khí động cơ đốt trong (80/90) | Tiết 1-5 | Tin học (50/60)                   | Tiết 1-5 | Thực hành Nguội - Hàn cơ bản (5/60)      | Tiết 1-5  | Thực hành Nguội - Hàn cơ bản (10/60) | Tiết 1-5  | BD&SC kết cấu cơ khí động cơ đốt trong (85/90) | Tiết 1-5 |                                    |          |          |      |
|              |       | Thầy Chắt                                      | PTH 01   | Cô Thủy                           | 405A     | Thầy Thắng                               | PTH nguội | Thầy Thắng                           | PTH nguội | Thầy Chắt                                      | PTH 01   |                                    |          |          |      |
|              | Chiều |                                                |          |                                   |          |                                          |           |                                      |           |                                                |          |                                    |          |          |      |
|              |       |                                                |          |                                   |          |                                          |           |                                      |           |                                                |          |                                    |          |          |      |
| YOT06-K18    | Sáng  | BD&SC HT điện động cơ ô tô (40/90)             | Tiết 1-5 | Tổng quan về xe ô tô điện (35/45) | Tiết 1-5 | BD&SC HT phun xăng điện tử (EFI) (30/75) | Tiết 1-5  | Tổng quan về xe ô tô điện (40/45)    | Tiết 1-5  |                                                |          | BD&SC HT điện động cơ ô tô (45/90) | Tiết 1-5 |          |      |
|              |       | Thầy Tuyên                                     | PTH 02   | Thầy Chắt                         | PTH 02   | Thầy Thi                                 | PTH 02    | Thầy Chắt                            | PTH 02    |                                                |          | Thầy Tuyên                         | PTH 02   |          |      |
|              | Chiều |                                                |          |                                   |          |                                          |           |                                      |           |                                                |          |                                    |          |          |      |
|              |       |                                                |          |                                   |          |                                          |           |                                      |           |                                                |          |                                    |          |          |      |

| Tên lớp      | Buổi  | Thứ 2                                                       |               | Thứ 3                                    |               | Thứ 4                                                       |               | Thứ 5                                       |               | Thứ 6                                        |               | Thứ 7   |      | Chủ nhật |      |
|--------------|-------|-------------------------------------------------------------|---------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------|---------------|---------|------|----------|------|
|              |       | Môn học                                                     | Tiết          | Môn học                                  | Tiết          | Môn học                                                     | Tiết          | Môn học                                     | Tiết          | Môn học                                      | Tiết          | Môn học | Tiết | Môn học  | Tiết |
| OT01-K18TC   | Sáng  | Học văn hóa                                                 |               | Học văn hóa                              |               | Học văn hóa                                                 |               | Học văn hóa                                 |               | Học văn hóa                                  |               |         |      |          |      |
|              |       |                                                             |               |                                          |               |                                                             |               |                                             |               |                                              |               |         |      |          |      |
|              | Chiều | BD&SC HT truyền lực và hệ thống di chuyển trên ô tô (65/90) | 13h30         | Tin học (45/45)                          | 13h30         | BD&SC HT truyền lực và hệ thống di chuyển trên ô tô (70/90) | 13h30         |                                             |               |                                              |               |         |      |          |      |
|              |       | Thầy Dũng                                                   | PTH 01        | Cô Hiền                                  | D202          | Thầy Dũng                                                   | PTH 01        |                                             |               |                                              |               |         |      |          |      |
| OT01-K18CLC  | Sáng  | Bảo dưỡng và chẩn đoán ô tô điện (5/75)                     | Tiết 1-5      | Bảo dưỡng và chẩn đoán ô tô điện (10/75) | Tiết 1-5      | Bảo dưỡng và chẩn đoán ô tô điện (15/75)                    | Tiết 1-5      | An toàn lao động và tổ chức sản xuất (5/30) | Tiết 1-5      | An toàn lao động và tổ chức sản xuất (10/30) | Tiết 1-5      |         |      |          |      |
|              |       | Thầy Trường                                                 | Trung tâm EAC | Thầy Trường                              | Trung tâm EAC | Thầy Trường                                                 | Trung tâm EAC | Thầy Trường                                 | Trung tâm EAC | Thầy Trường                                  | Trung tâm EAC |         |      |          |      |
|              | Chiều |                                                             |               |                                          |               |                                                             |               |                                             |               |                                              |               |         |      |          |      |
|              |       |                                                             |               |                                          |               |                                                             |               |                                             |               |                                              |               |         |      |          |      |
| ATT02,03-K18 | Sáng  |                                                             |               |                                          |               |                                                             |               |                                             |               | Tin học (55/75)                              | 1'-5          |         |      |          |      |
|              |       |                                                             |               |                                          |               |                                                             |               |                                             |               | Cô Hà                                        | 406A          |         |      |          |      |
|              | Chiều | Lập trình Javascript (15/60)                                | 6-10          | Hệ điều hành (20/30)                     | 6-10          | Lập trình Javascript (20/60)                                | 6-10          | Mạng máy tính cơ bản (40/45)                | 6-10          | Lập trình Javascript (25/60)                 | 6-10          |         |      |          |      |
|              |       | Thầy Thắng                                                  | 406A          | Thầy kiên                                | 401B          | Thầy Thắng                                                  | 407A          | Thầy kiên                                   | 401B          | Thầy Thắng                                   | 407A          |         |      |          |      |

| Tên lớp    | Buổi  | Thứ 2                             |       | Thứ 3                                   |       | Thứ 4                                         |       | Thứ 5                                   |       | Thứ 6                                         |       | Thứ 7   |      | Chủ nhật |      |
|------------|-------|-----------------------------------|-------|-----------------------------------------|-------|-----------------------------------------------|-------|-----------------------------------------|-------|-----------------------------------------------|-------|---------|------|----------|------|
|            |       | Môn học                           | Tiết  | Môn học                                 | Tiết  | Môn học                                       | Tiết  | Môn học                                 | Tiết  | Môn học                                       | Tiết  | Môn học | Tiết | Môn học  | Tiết |
| AĐH02-K18  | Sáng  |                                   |       |                                         |       | Kỹ thuật nhiếp ảnh (25/60)                    | 1-5   |                                         |       | Tin học (55/75)                               | 1-5   |         |      |          |      |
|            |       |                                   |       |                                         |       | Thầy Thành                                    | 403B  |                                         |       | Cô Hà                                         | 406A  |         |      |          |      |
|            | Chiều | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (45/60) | 6-10  | Khoa học màu sắc (15/60)                | 6-10  | Kỹ thuật nhiếp ảnh (30/60)                    | ;6-10 | Khoa học màu sắc (20/60)                | 6-10  |                                               |       |         |      |          |      |
|            |       | Cô Thu                            | 407A  | Cô Vân                                  | 405A  | Thầy Thành                                    | 403B  | Cô Vân                                  | 405A  |                                               |       |         |      |          |      |
| ATM02-K18  | Sáng  |                                   |       |                                         |       |                                               |       |                                         |       | Tin học (55/75)                               | 1'-5  |         |      |          |      |
|            |       |                                   |       |                                         |       |                                               |       |                                         |       | Cô Hà                                         | 406A  |         |      |          |      |
|            | Chiều | Thi nguyên lý kế toán             | 14H00 | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (45/60)       | 6-10  | Xây dựng nội dung quảng cáo (10/60)           | 6-10  | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (50/60)       | 6-10  | Xây dựng nội dung quảng cáo (15/60)           | 6-10  |         |      |          |      |
|            |       |                                   | 401B  | Cô Thu                                  | 406A  | Thầy hưng                                     | 401B  | Cô Thu                                  | 406A  | Thầy hưng                                     | 501B  |         |      |          |      |
| TT02-K18TC | Sáng  | Học văn hóa                       |       | Học văn hóa                             |       | Học văn hóa                                   |       | Học văn hóa                             |       | Học văn hóa                                   |       |         |      |          |      |
|            |       |                                   |       |                                         |       |                                               |       |                                         |       |                                               |       |         |      |          |      |
|            | Chiều | Thi kỹ năng xây dựng kế hoạch     | 14h00 | Bảo trì và xử lý sự cố máy tính (25/30) | 13h30 | Thiết kế với hình ảnh với illustrator (25/45) | 13h30 | Bảo trì và xử lý sự cố máy tính (30/30) | 13h30 | Thiết kế với hình ảnh với illustrator (30/45) | 13h30 |         |      |          |      |
|            |       | 10T1                              |       | Thầy Tùng                               | 10T1  | Cô Hiền                                       | 202D  | Thầy Tùng                               | 10T1  | Cô Hiền                                       | 502A  |         |      |          |      |

| Tên lớp   | Buổi  | Thứ 2                                         |            | Thứ 3                       |            | Thứ 4                       |            | Thứ 5                       |            | Thứ 6                     |            | Thứ 7   |      | Chủ nhật |      |
|-----------|-------|-----------------------------------------------|------------|-----------------------------|------------|-----------------------------|------------|-----------------------------|------------|---------------------------|------------|---------|------|----------|------|
|           |       | Môn học                                       | Tiết       | Môn học                     | Tiết       | Môn học                     | Tiết       | Môn học                     | Tiết       | Môn học                   | Tiết       | Môn học | Tiết | Môn học  | Tiết |
| AKT02-K18 | Sáng  | Tin học (55/75)                               | 7h30-11h40 | Kế toán tài chính 2 (20/60) | 7h30-11h40 | Kế toán tài chính 2 (25/60) | 7h30-11h40 | Toán tài chính (25/45)      | 7h30-11h40 | Toán tài chính (30/45)    | 7h30-11h40 |         |      |          |      |
|           |       |                                               | 406A       | Thầy Kết                    | 401B       | Thầy Kết                    | 401B       | Cô Hải Hà                   | 402B       | Cô Hải Hà                 | 401B       |         |      |          |      |
|           | Chiều |                                               |            |                             |            |                             |            | Kế toán tài chính 2 (30/60) | 13h-17h10  |                           |            |         |      |          |      |
|           |       |                                               |            |                             |            |                             |            | Thầy Kết                    | 402B       |                           |            |         |      |          |      |
| AQT02-K18 | Sáng  | Tin học (55/75)                               | 7h30-11h40 |                             |            |                             |            |                             |            |                           |            |         |      |          |      |
|           |       |                                               | 406A       |                             |            |                             |            |                             |            |                           |            |         |      |          |      |
|           | Chiều | Nghị quyết vụ kinh doanh ngoại thương (50/60) | 13h-17h10  | Quản trị tác nghiệp (20/60) | 13h-17h10  | Quản trị tác nghiệp (25/60) | 13h-17h10  | Quản trị bán hàng (20/60)   | 13h-17h10  | Quản trị bán hàng (25/60) | 13h-17h10  |         |      |          |      |
|           |       | Cô Tâm                                        | 401A       | Cô Hằng                     | 404A       | Cô Hằng                     | 404A       | Cô Hải Hà                   | 404A       | Cô Hải Hà                 | 404A       |         |      |          |      |
| AMK02-K18 | Sáng  | Tin học (55/75)                               | 7h30-11h40 |                             |            |                             |            |                             |            |                           |            |         |      |          |      |
|           |       |                                               | 406A       |                             |            |                             |            |                             |            |                           |            |         |      |          |      |
|           | Chiều |                                               |            | Quản trị tác nghiệp (20/60) | 13h-17h10  | Quản trị tác nghiệp (25/60) | 13h-17h10  | Quản trị bán hàng (20/60)   | 13h-17h10  | Quản trị bán hàng (25/60) | 13h-17h10  |         |      |          |      |
|           |       |                                               |            | Cô Hằng                     | 404A       | Cô Hằng                     | 404A       | Cô Hải Hà                   | 404A       | Cô Hải Hà                 | 404A       |         |      |          |      |

| Tên lớp   | Buổi  | Thứ 2                                                  |                       | Thứ 3                                                  |                       | Thứ 4                                                  |                       | Thứ 5                                                             |                       | Thứ 6                                                  |                       | Thứ 7                                                  |                       | Chủ nhật                                         |                |
|-----------|-------|--------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------|----------------|
|           |       | Môn học                                                | Tiết                  | Môn học                                                | Tiết                  | Môn học                                                | Tiết                  | Môn học                                                           | Tiết                  | Môn học                                                | Tiết                  | Môn học                                                | Tiết                  | Môn học                                          | Tiết           |
| ALG02-K18 | Sáng  | Tin học (55/75)                                        | 7h30-11h40            |                                                        |                       |                                                        |                       |                                                                   |                       |                                                        |                       | Quản trị Logistics (25/60)                             | 7h30-11h40            |                                                  |                |
|           |       |                                                        | 406A                  |                                                        |                       |                                                        |                       |                                                                   |                       |                                                        |                       | Cô Mai                                                 | 402A                  |                                                  |                |
|           | Chiều | Quản trị Logistics (15/60)                             | 13h-17h10             | Quản trị tác nghiệp (20/60)                            | 13h-17h10             | Quản trị tác nghiệp (25/60)                            | 13h-17h10             | Quản trị Logistics (20/60)                                        | 13h-17h10             |                                                        |                       |                                                        |                       |                                                  |                |
|           |       | Cô Mai                                                 | 402A                  | Cô Hằng                                                | 404A                  | Cô Hằng                                                | 404A                  | Cô Mai                                                            | 503B                  |                                                        |                       |                                                        |                       |                                                  |                |
| BRH01-K18 | Sáng  | Dấu (khuôn) và mẫu trong Kỹ thuật PHR (30/75) - nhóm 2 | 7h30 - 11h45          | Dấu (khuôn) và mẫu trong Kỹ thuật PHR (30/75) - nhóm 3 | 7h30 - 11h45          | Dấu (khuôn) và mẫu trong Kỹ thuật PHR (40/75) - nhóm 1 | 7h30 - 11h45          | Dấu (khuôn) và mẫu trong Kỹ thuật Phục hình răng (40/75) - nhóm 2 | 7h30 - 11h45          | Dấu (khuôn) và mẫu trong Kỹ thuật PHR (40/75) - nhóm 3 | 7h30 - 11h45          | Dấu (khuôn) và mẫu trong Kỹ thuật PHR (50/75) - nhóm 1 | 7h30 - 11h45          | Kỹ thuật phục hình tháo lắp 1: toàn phần (5/75)  | 7h30 - 11h45   |
|           |       | Ths. Nguyễn Văn Huy                                    | Công ty TNHH Hùng Hân | Ths. Nguyễn Văn Huy                                    | Công ty TNHH Hùng Hân | Ths. Nguyễn Văn Huy                                    | Công ty TNHH Hùng Hân | Ths. Nguyễn Văn Huy                                               | Công ty TNHH Hùng Hân | Ths. Nguyễn Văn Huy                                    | Công ty TNHH Hùng Hân | Ths. Nguyễn Văn Huy                                    | Công ty TNHH Hùng Hân | BS. Đào Linh Chi                                 | P201B tòa 2 MD |
|           | Chiều | Dấu (khuôn) và mẫu trong Kỹ thuật PHR (35/75) - nhóm 2 | 13h00 - 17h15         | Dấu (khuôn) và mẫu trong Kỹ thuật PHR (35/75) - nhóm 3 | 13h00 - 17h15         | Dấu (khuôn) và mẫu trong Kỹ thuật PHR (45/75) - nhóm 1 | 13h00 - 17h15         | Dấu (khuôn) và mẫu trong Kỹ thuật PHR (45/75) - nhóm 2            | 13h00 - 17h15         | Dấu (khuôn) và mẫu trong Kỹ thuật PHR (45/75) - nhóm 3 | 13h00 - 17h15         | Dấu (khuôn) và mẫu trong Kỹ thuật PHR (55/75) - nhóm 1 | 13h00 - 17h15         | Kỹ thuật phục hình tháo lắp 1: toàn phần (10/75) | 13h00 - 17h15  |
|           |       | Ths. Nguyễn Văn Huy                                    | Công ty TNHH Hùng Hân | Ths. Nguyễn Văn Huy                                    | Công ty TNHH Hùng Hân | Ths. Nguyễn Văn Huy                                    | Công ty TNHH Hùng Hân | Ths. Nguyễn Văn Huy                                               | Công ty TNHH Hùng Hân | Ths. Nguyễn Văn Huy                                    | Công ty TNHH Hùng Hân | Ths. Nguyễn Văn Huy                                    | Công ty TNHH Hùng Hân | BS. Đào Linh Chi                                 | P201B tòa 2 MD |
|           |       |                                                        |                       |                                                        |                       |                                                        |                       |                                                                   |                       |                                                        |                       |                                                        |                       |                                                  |                |
|           |       |                                                        |                       |                                                        |                       |                                                        |                       |                                                                   |                       |                                                        |                       |                                                        |                       |                                                  |                |

| Tên lớp   | Buổi  | Thứ 2                                   |                       | Thứ 3                                   |                       | Thứ 4                                   |                               | Thứ 5                                   |                       | Thứ 6                                   |                               | Thứ 7                                  |                       | Chủ nhật                                         |                |
|-----------|-------|-----------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------|----------------|
|           |       | Môn học                                 | Tiết                  | Môn học                                 | Tiết                  | Môn học                                 | Tiết                          | Môn học                                 | Tiết                  | Môn học                                 | Tiết                          | Môn học                                | Tiết                  | Môn học                                          | Tiết           |
| BRH02-K18 | Sáng  | Tạo mẫu và kỹ thuật nhựa (30/45)-Nhóm 2 | 7h30 - 11h45          | Tạo mẫu và kỹ thuật nhựa (30/45)-Nhóm 3 | 7h30 - 11h45          | Tạo mẫu và kỹ thuật nhựa (40/45)-Nhóm 1 | 7h30 - 11h45                  | Tạo mẫu và kỹ thuật nhựa (40/45)-Nhóm 2 | 7h30 - 11h45          | Tạo mẫu và kỹ thuật nhựa (40/45)-Nhóm 3 | 7h30 - 11h45                  | Tạo mẫu và kỹ thuật sáp (20/45)-Nhóm 1 | 7h30 - 11h45          | Kỹ thuật phục hình tháo lắp 1: toàn phần (5/75)  | 7h30 - 11h45   |
|           |       | Ths. Vũ Thị Phương Anh                  | Công ty TNHH Hùng Hân | Ths. Vũ Thị Phương Anh                  | Công ty TNHH Hùng Hân | Ths. Vũ Thị Phương Anh                  | Công ty TNHH Hùng Hân         | Ths. Vũ Thị Phương Anh                  | Công ty TNHH Hùng Hân | Ths. Vũ Thị Phương Anh                  | Công ty TNHH Hùng Hân         | Ths. Vũ Thị Phương Anh                 | Công ty TNHH Hùng Hân | BS. Đào Linh Chi                                 | P201B tòa 2 MD |
|           | Chiều | Tạo mẫu và kỹ thuật nhựa (35/45)-Nhóm 2 | 13h00 - 17h15         | Tạo mẫu và kỹ thuật nhựa (35/45)-Nhóm 3 | 13h00 - 17h15         | Tạo mẫu và kỹ thuật nhựa (45/45)-Nhóm 1 | 13h00 - 17h15                 | Tạo mẫu và kỹ thuật nhựa (45/45)-Nhóm 2 | 13h00 - 17h15         | Tạo mẫu và kỹ thuật nhựa (45/45)-Nhóm 3 | 13h00 - 17h15                 | Tạo mẫu và kỹ thuật sáp (25/45)-Nhóm 1 | 13h00 - 17h15         | Kỹ thuật phục hình tháo lắp 1: toàn phần (10/75) | 13h00 - 17h15  |
|           |       | Ths. Vũ Thị Phương Anh                  | Công ty TNHH Hùng Hân | Ths. Vũ Thị Phương Anh                  | Công ty TNHH Hùng Hân | Ths. Vũ Thị Phương Anh                  | Công ty TNHH Hùng Hân         | Ths. Vũ Thị Phương Anh                  | Công ty TNHH Hùng Hân | Ths. Vũ Thị Phương Anh                  | Công ty TNHH Hùng Hân         | Ths. Vũ Thị Phương Anh                 | Công ty TNHH Hùng Hân | BS. Đào Linh Chi                                 | P201B tòa 2 MD |
| BRH03-K18 | Sáng  | Tin học (45/75)                         | 7h30 - 11h45          | Giải phẫu hệ thống Đầu mặt cổ (35/45)   | 7h30 - 11h45          | Giải phẫu hệ thống Đầu mặt cổ (45/45)   | 7h30 - 11h45                  |                                         |                       | Cấp cứu ban đầu - Sự cố y khoa (30/60)  | 7h30 - 11h45                  | Tin học (50/75)                        | 7h30 - 11h45          | Cấp cứu ban đầu - Sự cố y khoa (40/60)           | 7h30 - 11h45   |
|           |       | CN. Nguyễn Đức Anh                      | P202A tòa 2 MD        | Ths. Nguyễn Thị Thanh Huyền             | P202A tòa 2 MD        | Ths. Nguyễn Thị Thanh Huyền             | P202A tòa 2 MD                |                                         |                       | Ths. Nguyễn Thị Duyên                   | P202A tòa 2 MD                | CN. Nguyễn Đức Anh                     | P202A tòa 2 MD        | Ths. Nguyễn Thị Duyên                            | P202A tòa 2 MD |
|           | Chiều | Giải phẫu hệ thống Đầu mặt cổ (30/45)   | 13h00 - 17h15         | Giải phẫu hệ thống Đầu mặt cổ (40/45)   | 13h00 - 17h15         | Giải phẫu Răng (5/60)                   | 13h00 - 17h15                 |                                         |                       | Giải phẫu Răng (10/60)                  | 13h00 - 17h15                 | Cấp cứu ban đầu - Sự cố y khoa (35/60) | 13h00 - 17h15         | Cấp cứu ban đầu - Sự cố y khoa (45/60)           | 13h00 - 17h15  |
|           |       | Ths. Nguyễn Thị Thanh Huyền             | P202A tòa 2 MD        | Ths. Nguyễn Thị Thanh Huyền             | P202A tòa 2 MD        | Ths. Nguyễn Thị Thanh Huyền             | 999 3824 8258<br>pass: 938351 |                                         |                       | Ths. Nguyễn Thị Thanh Huyền             | 999 3824 8258<br>pass: 938351 | Ths. Nguyễn Thị Duyên                  | P202A tòa 2 MD        | Ths. Nguyễn Thị Duyên                            | P202A tòa 2 MD |

| Tên lớp   | Buổi  | Thứ 2                          |                               | Thứ 3                      |                              | Thứ 4                                          |                | Thứ 5                                          |                               | Thứ 6                                      |                               | Thứ 7              |                               | Chủ nhật                    |                              |
|-----------|-------|--------------------------------|-------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------|--------------------|-------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|           |       | Môn học                        | Tiết                          | Môn học                    | Tiết                         | Môn học                                        | Tiết           | Môn học                                        | Tiết                          | Môn học                                    | Tiết                          | Môn học            | Tiết                          | Môn học                     | Tiết                         |
| ADD02-K18 | Sáng  | Tin học (45/75)                | 7h30 - 11h45                  | Giáo dục chính trị (35/75) | 7h30 - 11h45                 |                                                |                |                                                |                               | Dinh dưỡng tiết chế và vệ sinh ATTP (5/15) | 7h30 - 11h45                  | Tin học (50/75)    | 7h30 - 11h45                  | Điều dưỡng cơ bản 1 (20/60) | 7h30 - 11h45                 |
|           |       | CN. Nguyễn Đức Anh             | 945 4509 8318<br>pass: 676888 | Ths. Nguyễn Văn Trường     | Hội trường Bệnh viện Minh An |                                                |                |                                                |                               | Ths. Nguyễn Hữu Hoan                       | 945 4509 8318<br>pass: 676888 | CN. Nguyễn Đức Anh | 945 4509 8318<br>pass: 676888 | Ths. Nguyễn Thị Dung        | Hội trường Bệnh viện Minh An |
|           | Chiều | Tiếng Anh chuyên ngành (15/45) | 13h00 - 17h15                 | Giáo dục chính trị (40/75) | 13h00 - 17h15                |                                                |                | Tiếng Anh chuyên ngành (20/45)                 | 13h00 - 17h15                 |                                            |                               |                    |                               | Điều dưỡng cơ bản 1 (25/60) | 13h00 - 17h15                |
|           |       | Ths. Vũ Thị Bình               | 945 4509 8318<br>pass: 676888 | Ths. Nguyễn Văn Trường     | Hội trường Bệnh viện Minh An |                                                |                | Ths. Vũ Thị Bình                               | 945 4509 8318<br>pass: 676888 |                                            |                               |                    |                               | Ths. Nguyễn Thị Dung        | Hội trường Bệnh viện Minh An |
| BYS02-K18 | Sáng  | Tin học (45/75)                | 7h30 - 11h45                  |                            |                              | Tiếng Anh chuyên ngành (15/60)                 | 7h30 - 11h45   | Kỹ năng giao tiếp và Giáo dục sức khỏe (55/55) | 7h30 - 11h45                  | Tiếng Anh chuyên ngành (20/60)             | 7h30 - 11h45                  | Tin học (50/75)    | 7h30 - 11h45                  |                             |                              |
|           |       | CN. Nguyễn Đức Anh             | P202A tòa 2 MD                |                            |                              | CN. Hoàng Thị Ngọc                             | P202B tòa 2 MD | CN. Hoàng Thị Huyền Trang                      | P202B tòa 2 MD                | CN. Hoàng Thị Ngọc                         | P202B tòa 2 MD                | CN. Nguyễn Đức Anh | P202A                         |                             |                              |
|           | Chiều |                                |                               |                            |                              | Kỹ năng giao tiếp và Giáo dục sức khỏe (50/55) | 13h00 - 17h15  |                                                |                               |                                            |                               |                    |                               |                             |                              |
|           |       |                                |                               |                            |                              | CN. Hoàng Thị Huyền Trang                      | P202B tòa 2 MD |                                                |                               |                                            |                               |                    |                               |                             |                              |

| Tên lớp   | Buổi  | Thứ 2                 |                   | Thứ 3                                              |                                     | Thứ 4                                   |                   | Thứ 5                              |                                     | Thứ 6                                   |                   | Thứ 7                 |                   | Chủ nhật                    |                   |
|-----------|-------|-----------------------|-------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------|------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------------|-------------------|
|           |       | Môn học               | Tiết              | Môn học                                            | Tiết                                | Môn học                                 | Tiết              | Môn học                            | Tiết                                | Môn học                                 | Tiết              | Môn học               | Tiết              | Môn học                     | Tiết              |
| BYH02-K18 | Sáng  | Tin học<br>(45/75)    | 7h30 -<br>11h45   | Kỹ thuật<br>Điều dưỡng<br>(15/60)                  | 7h30 -<br>11h45                     |                                         |                   | Kỹ thuật<br>Điều dưỡng<br>(20/60)  | 7h30 -<br>11h45                     |                                         |                   | Tin học<br>(50/75)    | 7h30 -<br>11h45   |                             |                   |
|           |       | CN. Nguyễn<br>Đức Anh | P202A tòa<br>2 MD | CN. Phí Văn<br>Tuấn                                | P202B tòa<br>2 MD                   |                                         |                   | CN. Phí Văn<br>Tuấn                | P202A tòa<br>2 MD                   |                                         |                   | CN. Nguyễn<br>Đức Anh | P202A tòa<br>2 MD |                             |                   |
|           | Chiều |                       |                   | Lý luận cơ<br>bản YHCT<br>(15/30)                  | 13h00 -<br>17h15                    | Tiếng Anh<br>chuyên<br>ngành<br>(15/45) | 13h00 -<br>17h15  | Lý luận cơ<br>bản YHCT<br>(20/30)  | 13h00 -<br>17h15                    | Tiếng Anh<br>chuyên<br>ngành<br>(20/45) | 13h00 -<br>17h15  |                       |                   |                             |                   |
|           |       |                       |                   | BS. Hoàng<br>Thị Thu Diệu                          | 999 3824<br>8258<br>pass:<br>938351 | CN. Hoàng<br>Thị Ngọc                   | P202B tòa 2<br>MD | BS. Hoàng<br>Thị Thu Diệu          | P202A tòa<br>2 MD                   | CN. Hoàng<br>Thị Ngọc                   | P202B tòa<br>2 MD |                       |                   |                             |                   |
| BSĐ02-K18 | Sáng  | Tin học<br>(45/75)    | 7h30 -<br>11h45   | Dinh dưỡng<br>trong chăm<br>sóc sắc đẹp<br>(5/30)  | 7h30 -<br>11h45                     |                                         |                   | Đại cương về<br>thẩm mỹ<br>(5/30)  | 7h30 -<br>11h45                     |                                         |                   | Tin học<br>(50/75)    | 7h30 -<br>11h45   | Điều dưỡng<br>cơ sở (15/60) | 7h30 - 11h45      |
|           |       | CN. Nguyễn<br>Đức Anh | P202A tòa<br>2 MD | CN. Hoàng<br>Thị Huyền<br>Trang                    | P201B tòa<br>2 MD                   |                                         |                   | CN. Phạm<br>Thị Minh Ánh           | 999 3824<br>8258<br>pass:<br>938351 |                                         |                   | CN. Nguyễn<br>Đức Anh | P202A tòa<br>2 MD | CN. Phí Văn<br>Tuấn         | P202B tòa 2<br>MD |
|           | Chiều |                       |                   | Dinh dưỡng<br>trong chăm<br>sóc sắc đẹp<br>(10/30) | 13h00 -<br>17h15                    |                                         |                   | Đại cương về<br>thẩm mỹ<br>(10/30) | 13h00 -<br>17h15                    |                                         |                   |                       |                   | Điều dưỡng<br>cơ sở (20/60) | 7h30 - 11h45      |
|           |       |                       |                   | CN. Hoàng<br>Thị Huyền<br>Trang                    | P201B tòa<br>2 MD                   |                                         |                   | CN. Phạm<br>Thị Minh Ánh           | P201B tòa<br>2 MD                   |                                         |                   |                       |                   | CN. Phí Văn<br>Tuấn         | P202B tòa 2<br>MD |

| Tên lớp    | Buổi  | Thứ 2                          |                | Thứ 3                           |               | Thứ 4                               |                            | Thứ 5                          |                | Thứ 6                                |               | Thứ 7                            |               | Chủ nhật                             |                            |
|------------|-------|--------------------------------|----------------|---------------------------------|---------------|-------------------------------------|----------------------------|--------------------------------|----------------|--------------------------------------|---------------|----------------------------------|---------------|--------------------------------------|----------------------------|
|            |       | Môn học                        | Tiết           | Môn học                         | Tiết          | Môn học                             | Tiết                       | Môn học                        | Tiết           | Môn học                              | Tiết          | Môn học                          | Tiết          | Môn học                              | Tiết                       |
| BD02-K18   | Sáng  | Tin học (45/75)                | 7h30 - 11h45   |                                 |               |                                     |                            |                                |                | Hóa học vô cơ - hữu cơ (Học bù)      | 7h30 - 11h45  | Tin học (50/75)                  | 7h30 - 11h45  | Thực vật được (5/90)                 | 7h30 - 11h45               |
|            |       | CN. Nguyễn Đức Anh             | P202A tòa 2 MD |                                 |               |                                     |                            |                                |                | Ths. Nguyễn Thị Duyên                | PTH Hoá - CS1 | CN. Nguyễn Đức Anh               | P202A         | DSDH. Dương Thuỳ Linh                | 999 3824 8258 pass: 938351 |
|            | Chiều | Tiếng Anh chuyên ngành (15/45) | 13h00 - 17h15  | Hóa học vô cơ - hữu cơ (Học bù) | 13h00 - 17h15 | Bệnh học (10/30)                    | 13h00 - 17h15              | Tiếng Anh chuyên ngành (20/45) | 13h00 - 17h15  |                                      |               | Hóa phân tích định lượng (30/60) | 13h00 - 17h15 | Thực vật được (10/90)                | 13h00 - 17h15              |
|            |       | Ths. Vũ Thị Bình               | P202B tòa 2 MD | Ths. Nguyễn Thị Duyên           | PTH Hoá - CS1 | BS. Hoàng Thị Thu Diệu              | 994 9854 2727 pass: 350784 | Ths. Vũ Thị Bình               | P202B tòa 2 MD |                                      |               | Ths. Nguyễn Thị Duyên            | P202B         | DSDH. Dương Thuỳ Linh                | 999 3824 8258 pass: 938351 |
| TQ02-K18TX | Tối   |                                |                |                                 |               | Ngữ pháp tiếng Trung Quốc 3 (60/75) | 19h30                      |                                |                | Đọc- Viết tiếng Trung Quốc 3 (45/90) | 19h30         |                                  |               | Nghe- Nói tiếng Trung Quốc 3 (35/90) | 19h30                      |
|            |       |                                |                |                                 |               | Cô Thảo                             | Online GGMeet              |                                |                | Cô Mai                               | Online GGMeet |                                  |               | Cô Thảo                              | Online GGMeet              |
|            | Chiều |                                |                |                                 |               |                                     |                            |                                |                |                                      |               |                                  |               |                                      |                            |
|            |       |                                |                |                                 |               |                                     |                            |                                |                |                                      |               |                                  |               |                                      |                            |
| YĐT01-K18  | Sáng  |                                |                |                                 |               |                                     |                            |                                |                |                                      |               |                                  |               |                                      |                            |
|            | Tối   | Kỹ thuật mạch điện tử (35/60)  | 19h30          | Kỹ thuật mạch điện tử (40/60)   | 19h30         |                                     |                            |                                |                |                                      |               |                                  |               |                                      |                            |
|            |       | Cô Luyến                       | Zoom           | Cô Luyến                        | Zoom          |                                     |                            |                                |                |                                      |               |                                  |               |                                      |                            |

| Tên lớp      | Buổi | Thứ 2                         |       | Thứ 3                         |       | Thứ 4                 |       | Thứ 5                  |       | Thứ 6                  |       | Thứ 7   |      | Chủ nhật |      |
|--------------|------|-------------------------------|-------|-------------------------------|-------|-----------------------|-------|------------------------|-------|------------------------|-------|---------|------|----------|------|
|              |      | Môn học                       | Tiết  | Môn học                       | Tiết  | Môn học               | Tiết  | Môn học                | Tiết  | Môn học                | Tiết  | Môn học | Tiết | Môn học  | Tiết |
| YĐCN01-K18   | Sáng |                               |       |                               |       |                       |       |                        |       |                        |       |         |      |          |      |
|              |      |                               |       |                               |       |                       |       |                        |       |                        |       |         |      |          |      |
|              | Tối  |                               |       |                               |       |                       |       |                        |       |                        |       |         |      |          |      |
|              |      |                               |       |                               |       |                       |       |                        |       |                        |       |         |      |          |      |
| YĐCN01-K18LT | Sáng |                               |       |                               |       |                       |       |                        |       |                        |       |         |      |          |      |
|              |      |                               |       |                               |       |                       |       |                        |       |                        |       |         |      |          |      |
|              | Tối  |                               |       |                               |       |                       |       |                        |       |                        |       |         |      |          |      |
|              |      |                               |       |                               |       |                       |       |                        |       |                        |       |         |      |          |      |
| YĐT02-K18    | Sáng |                               |       |                               |       |                       |       |                        |       |                        |       |         |      |          |      |
|              |      |                               |       |                               |       |                       |       |                        |       |                        |       |         |      |          |      |
|              | Tối  | Kỹ thuật mạch điện tử (35/60) | 19h30 | Kỹ thuật mạch điện tử (40/60) | 19h30 | Tiếng anh CB 1 (5/60) | 19h30 | Tiếng anh CB 1 (10/60) | 19h30 | Tiếng anh CB 1 (15/60) | 19h30 |         |      |          |      |
|              |      | Cô Luyện                      | Zoom  | Cô Luyện                      | Zoom  | Cô Liễu               | zoom  | Cô Liễu                | zoom  | Cô Liễu                | zoom  |         |      |          |      |

| Tên lớp         | Buổi  | Thứ 2                       |      | Thứ 3                        |      | Thứ 4                       |       | Thứ 5                       |       | Thứ 6                     |       | Thứ 7    |      | Chủ nhật |      |
|-----------------|-------|-----------------------------|------|------------------------------|------|-----------------------------|-------|-----------------------------|-------|---------------------------|-------|----------|------|----------|------|
|                 |       | Môn học                     | Tiết | Môn học                      | Tiết | Môn học                     | Tiết  | Môn học                     | Tiết  | Môn học                   | Tiết  | Môn học  | Tiết | Môn học  | Tiết |
| YDCN02-K18      | Sáng  |                             |      |                              |      |                             |       |                             |       |                           |       |          |      |          |      |
|                 |       |                             |      |                              |      |                             |       |                             |       |                           |       |          |      |          |      |
|                 | Tối   |                             |      |                              |      | Tiếng anh<br>CB 1 (5/60)    | 19h30 | Tiếng anh<br>CB 1 (10/60)   | 19h30 | Tiếng anh<br>CB 1 (15/60) | 19h30 |          |      |          |      |
|                 |       |                             |      |                              |      | Cô Liễu                     | zoom  | Cô Liễu                     | zoom  | Cô Liễu                   | zoom  |          |      |          |      |
| CB01-<br>K18CLC | Sáng  | TT cơ sở                    |      | TT cơ sở                     |      | TT cơ sở                    |       | TT cơ sở                    |       | TT cơ sở                  |       | TT cơ sở |      |          |      |
|                 |       |                             |      |                              |      |                             |       |                             |       |                           |       |          |      |          |      |
|                 | Chiều |                             |      |                              |      |                             |       |                             |       |                           |       |          |      |          |      |
|                 |       |                             |      |                              |      |                             |       |                             |       |                           |       |          |      |          |      |
| CB02-<br>K18CLC | Sáng  | Sinh lý dinh<br>dưỡng 20/30 | 1-5  | Thi Hạch<br>toán định<br>mức | 8h30 | Sinh lý dinh<br>dưỡng 25/30 | 1-5   | Sinh lý dinh<br>dưỡng 30/30 | 1-5   |                           |       |          |      |          |      |
|                 |       | T. Hưng                     | 501B |                              | 501B | T. Hưng                     | 501B  | T. Hưng                     | 501B  |                           |       |          |      |          |      |
|                 | Chiều |                             |      |                              |      |                             |       | Tin học<br>(60/75)          | 6-10  | Tin học<br>(65/75)        | 6-10  |          |      |          |      |
|                 |       |                             |      |                              |      |                             |       | Khoa Tin                    | 407A  | Khoa Tin                  | 405A  |          |      |          |      |
|                 | Tối   |                             |      |                              |      |                             |       |                             |       |                           |       |          |      |          |      |
|                 |       |                             |      |                              |      |                             |       |                             |       |                           |       |          |      |          |      |
|                 |       |                             |      |                              |      |                             |       |                             |       |                           |       |          |      |          |      |
|                 |       |                             |      |                              |      |                             |       |                             |       |                           |       |          |      |          |      |

| Tên lớp   | Buổi  | Thứ 2   |      | Thứ 3   |      | Thứ 4   |      | Thứ 5   |      | Thứ 6   |      | Thứ 7   |      | Chủ nhật |      |
|-----------|-------|---------|------|---------|------|---------|------|---------|------|---------|------|---------|------|----------|------|
|           |       | Môn học | Tiết | Môn học | Tiết | Môn học | Tiết | Môn học | Tiết | Môn học | Tiết | Môn học | Tiết | Môn học  | Tiết |
| DOT01-K18 | Sáng  |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |          |      |
|           |       |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |          |      |
|           | Chiều |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |          |      |
|           |       |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |          |      |
| DMK01-K18 | Sáng  |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |          |      |
|           |       |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |          |      |
|           | Chiều |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |          |      |
|           |       |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |          |      |
| YDH01-K18 | Sáng  |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |          |      |
|           |       |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |          |      |
|           | Chiều |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |          |      |
|           |       |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |         |      |          |      |